

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 25/02/2021

DOW JONES GỌI NHƯNG VNINDEX TRẢ LỜI YẾU ỚT

Diễn biến thị trường:

Dow Jones gọi và VN-Index trả lời. Hưởng ứng đà tăng của chứng khoán thế giới, thị trường mở cửa trong sắc xanh của nhiều cổ phiếu giúp VN-Index đạt mức tăng gần 8 điểm sau phiên ATO. Sau những phút hưng phấn đầu phiên, áp lực bán đã dần gia tăng khi VN-Index tiến đến vùng 1.170 điểm cùng với việc dòng tiền không còn quá mạnh mà mua giá cao khiến các chỉ số dần hạ nhiệt. Thị trường sau đó đã có nhiều lần loay hoay quanh mốc chiều khiến những nhà đầu tư lướt sóng đứng ngồi không yên. Trong phiên chiều, đã có thời điểm VN-Index mất hơn 6 điểm nhưng những phút cuối đã đảo chiều thành công và đóng cửa trong sắc xanh. Kết thúc phiên giao dịch ngày 25/02, VN-Index tăng nhẹ 3,42 điểm và dừng chân ở mốc 1.165,43 điểm.

Mức tăng nhẹ của chỉ số không thể đưa sắc xanh lan tỏa trên toàn thị trường. Thay vào đó, dòng tiền phân hóa một cách mạnh mẽ với 220 mã đóng cửa tăng và 214 mã giảm trên HSX. Sự chú ý của thị trường đổ dồn vào nhóm dầu khí khi đêm quá giá dầu thế giới tiếp tục tăng mạnh. Đến cuối phiên, các cổ phiếu dầu khí PLX, PVS, PVD, PVB... đều đóng cửa với mức tăng khá. Nhóm chứng khoán cũng đã có một phiên giao dịch khá tốt với nhiều mã tăng như SHS, FTS, MBS, BVS... Ngoài ra, điểm đến của dòng tiền còn hướng đến nhóm cổ phiếu hàng không, với thông tin hỗ trợ từ việc vắc xin Covid-19 đã về đến Việt Nam. Hầu hết các mã thuộc nhóm cổ phiếu hàng không đều đóng cửa trong sắc xanh như ACV, HVN, VJC, AST, SCS...

Cùng với mức hồi phục tương đối thấp về mặt điểm số thì thanh khoản suy yếu một cách rõ rệt trong phiên giao dịch hôm nay. Giá trị giao dịch trên HSX chỉ đạt 13.350 tỷ, giảm 12,43% so với mức trung bình của các phiên giao dịch trong tuần này. Giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài vẫn chưa có chuyển biến mới, họ vẫn đang tiếp tục miệt mài xu hướng bán ròng của mình. Hôm nay họ bán thêm 450,35 tỷ trên cả 2 sàn, nâng tổng mức bán ròng trong tuần này lên con số 2.355 tỷ. Đứng đầu danh sách bán ròng một lần nữa gọi tên VNM (-233,40 tỷ) khi khối ngoại chưa "ngưng xả" cổ phiếu này.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Một phiên hồi phục tương đối yếu về mặt điểm số và thanh khoản cho dù nhận được xúc tác từ các thị trường khác trong khu vực. Điều này cho thấy lực cầu trên thị trường đang tỏ ra khá thận trọng, trong khi lực cung vẫn đang hiện hữu. Xu hướng tăng trong ngắn hạn đang có dấu hiệu bị lung lay và có thể chuyển thành xu hướng điều chỉnh bất cứ khi nào. Trước những diễn biến "chưa có sự đột phá" trong phiên hôm nay, chúng tôi hầu như không thay đổi quan điểm khuyến nghị của mình. Cho đến khi thị trường có những chuyển biến mới thì việc hạn chế giải ngân và duy trì tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục ở mức vừa phải là điều cần thiết.

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ :

Cổ phiếu	Giá mua	Giá bán	Lợi nhuận kỳ vọng	Giá đóng cửa	Giá cắt lỗ	Cập nhật
BCE	12.3	14.8	20%	12.8	11.3	Chờ khớp
FCM	6.7	7.8	16%	6.84	6.2	Chờ khớp
RAL	180.2	200	11%	187.2	165.8	Chờ khớp
RDP	8.9	11.2	26%	9.2	8.2	Chờ khớp

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	1.165,43	246,20
Thay đổi (%)	0,29%	3,49%
KLGD (triệu CP)	510,43	115,47
GTGD (tỷ VNĐ)	13.350,88	1.912,09
Số CP tăng giá	220	103
Số Cp đứng giá	66	71
Số Cp giảm giá	214	71

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	2,44	1,51
PE (lần)	17,84	16,01
Hệ số Beta	1,02	1,12
ROE (%)	15,91%	23,80%
ROA (%)	6,12%	8,07%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	17,38	03,12
GTGD (tỷ VNĐ)	777,79	149,22

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	748,10	20,63
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	1.208,90	10,19
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	460,80	10,45
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	450,35	

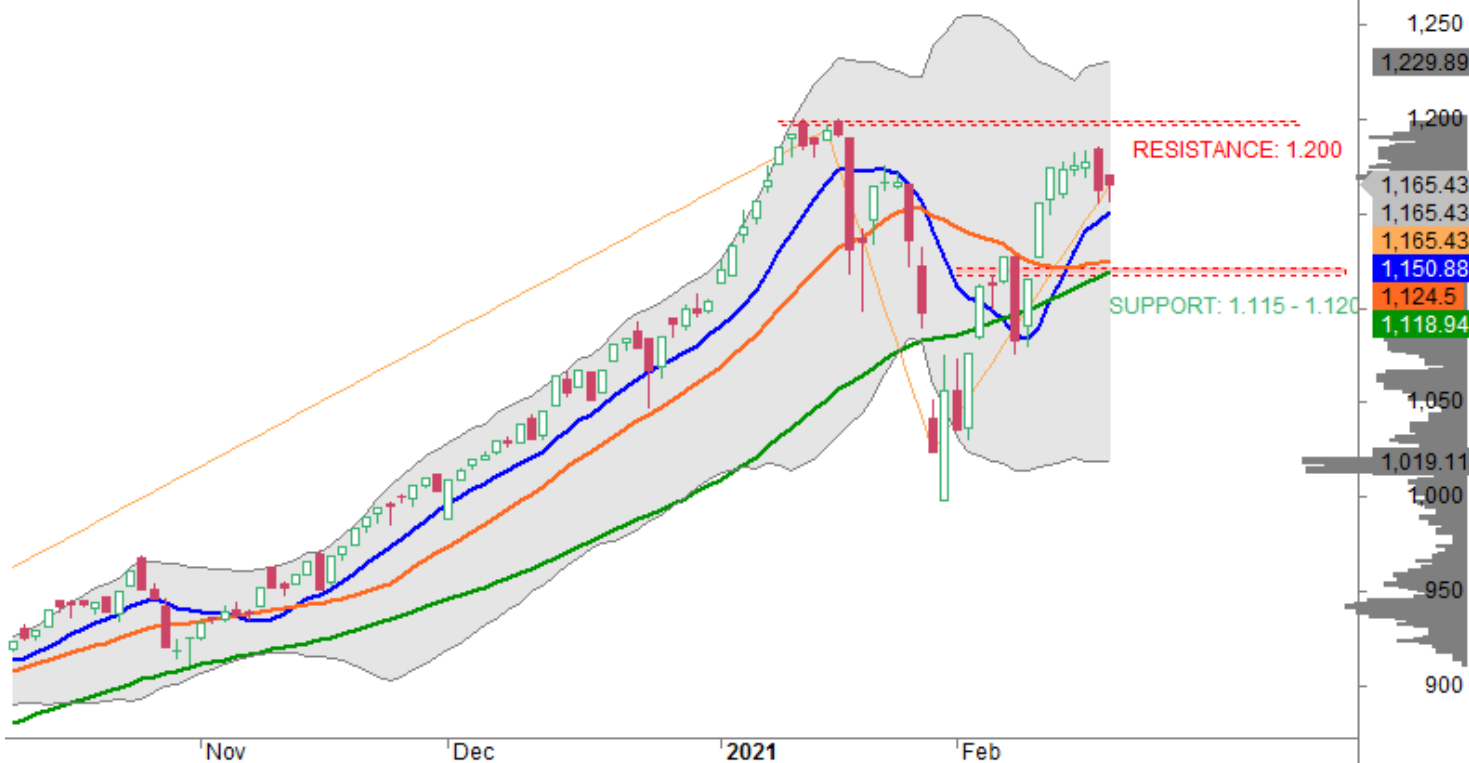
Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	1.169,82	02,64
VN30F2101	1.182,00	20,00
VN30F2102	1.189,50	19,50
VN30F2103	1.183,60	09,10
VN30F2106	1.184,80	12,90

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	31.961,86	1,35%
S&P 500 *	3.925,43	1,14%
DAX *	13.976,00	0,80%
FTSE 100 *	6.658,97	0,50%
Nikkei 225	30.168,27	1,67%
Hang Seng	30.074,17	1,20%

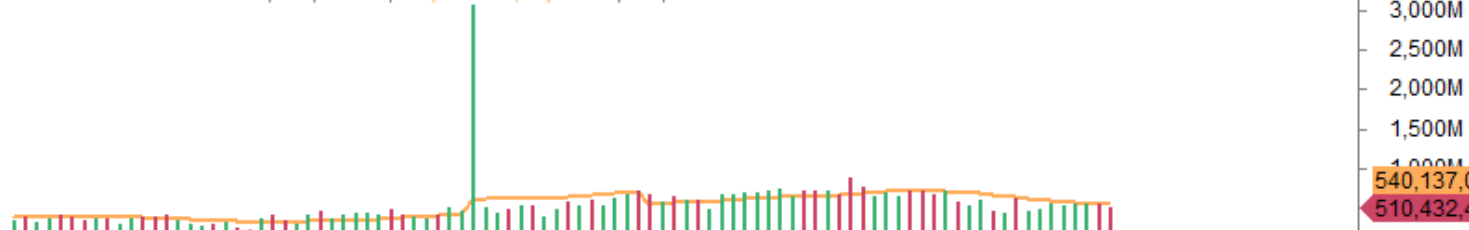
* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX

VNINDEX - Daily 2/25/2021 Open 1169.97, Hi 1169.97, Lo 1155.74, Close 1165.43 (0.3%) BBT_{Top}(Close,20,2.2) = 1,229.89, BBT_{Bot}(C



VNINDEX - Volume = 510,432,480.00, MA(Volume,15) = 540,137,088.00



Chỉ báo/Chỉ số	Chi báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chi báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TIÊU CỰC	MA20	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA50	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TÍCH CỰC

Phân tích kỹ thuật:

Một phiên hồi phục không mang nhiều tín hiệu tích cho chỉ số khi biên độ tăng điểm và thanh khoản đều ở mức thấp. Trong khi áp lực bán vẫn đang thường trực thì phiên giao dịch hôm nay cho thấy lực mua đang có dấu hiệu “chùn chân”.

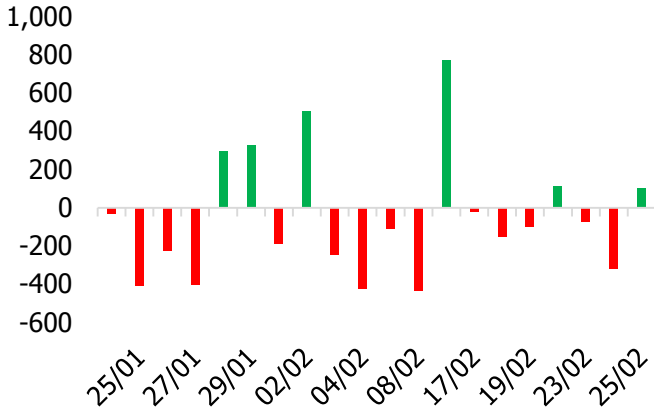
Xu hướng tăng trong ngắn hạn của chỉ số vẫn được giữ nguyên nhưng đang có dấu hiệu lung lay. Với diễn biến hiện tại, chúng tôi vẫn đang nghiên về kịch bản thị trường có thể sẽ có một sự điều chỉnh tiếp tục trong ngắn hạn và mốc hỗ trợ kỳ vọng của chúng tôi trong đợt điều chỉnh này là vùng 1.115 – 1.120 của hai đường MA20 và MA50.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

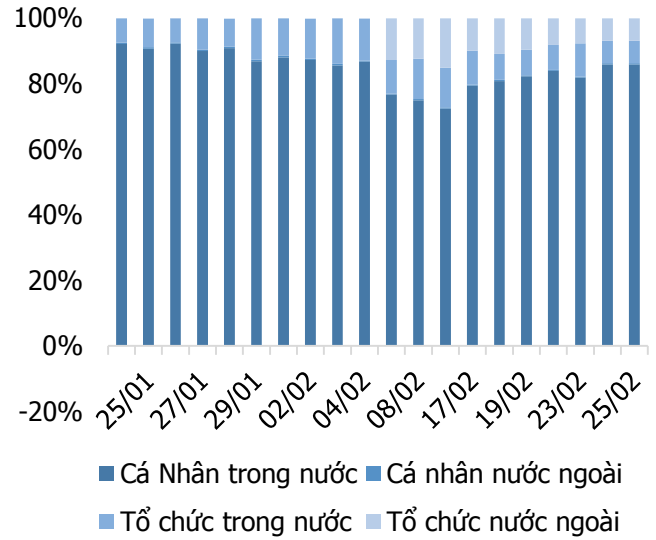
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày

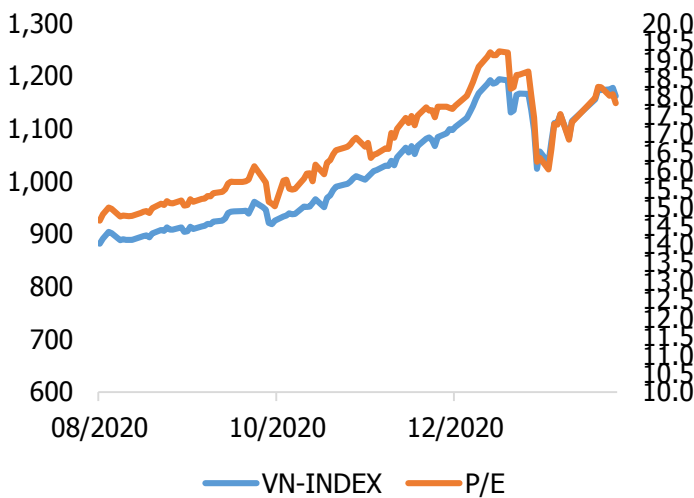


Giá trị Giao dịch theo NĐT-Ngày



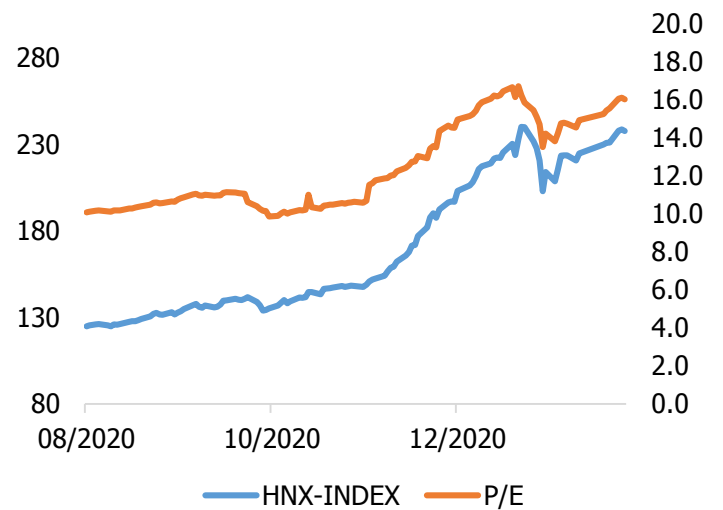
Vn-indexen – P/E lịch sử

VNINDEX - P/E lịch sử



Hn-index – P/E lịch sử

HNXINDEX - P/E lịch sử



TOP MUA TỰ DOANH

Mã CP	Top mua	
	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
VRE	33,750	32.75
TCB	39,100	31.37
VPB	39,600	30.27
MWG	135,700	26.19
HPG	44,150	23.85

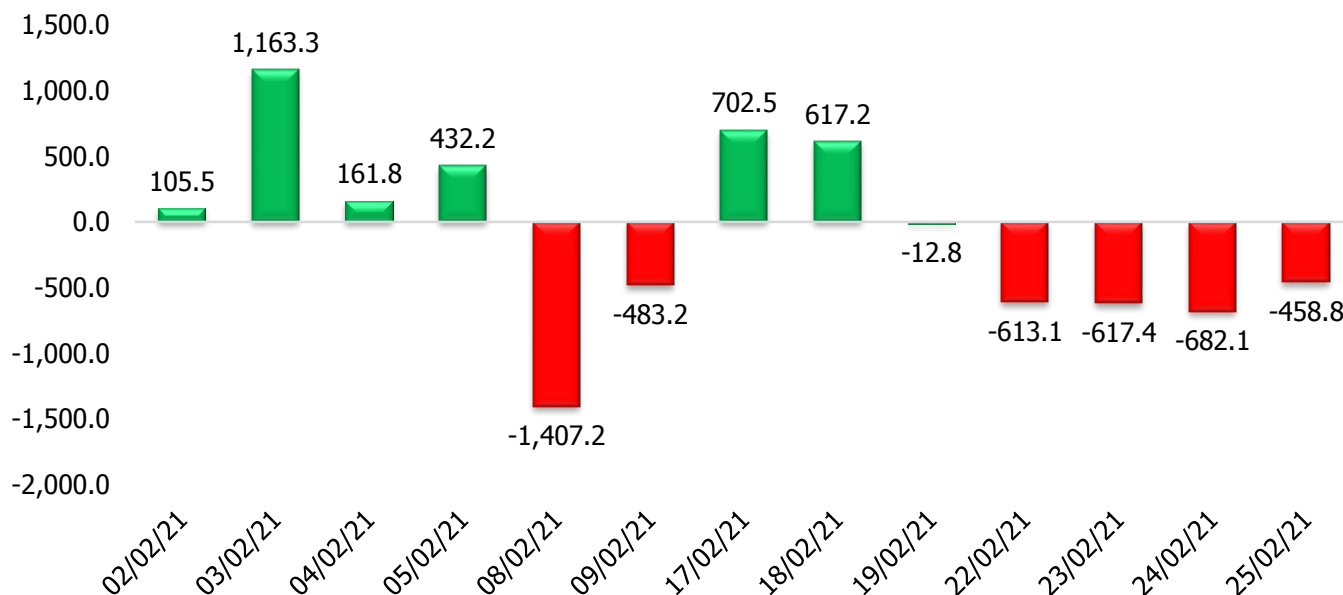
TOP BÁN TỰ DOANH

Mã CP	Top bán	
	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
TCB	39,100	45.74
VNM	104,600	24.31
FPT	76,200	23.56
HPG	44,150	22.93
MSN	89,600	17.07

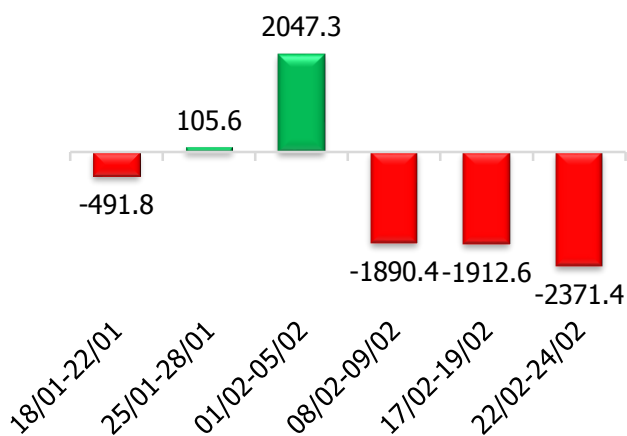
(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

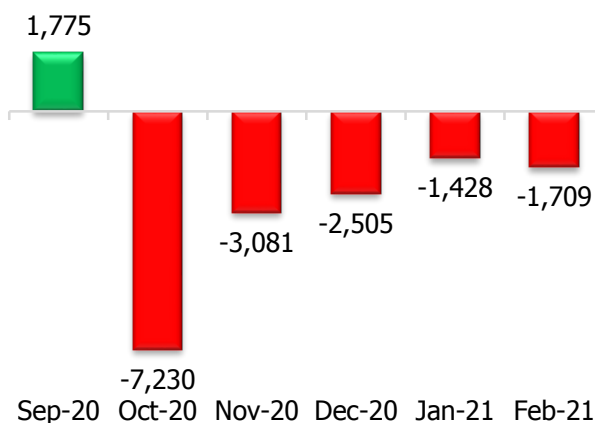
Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tuần gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

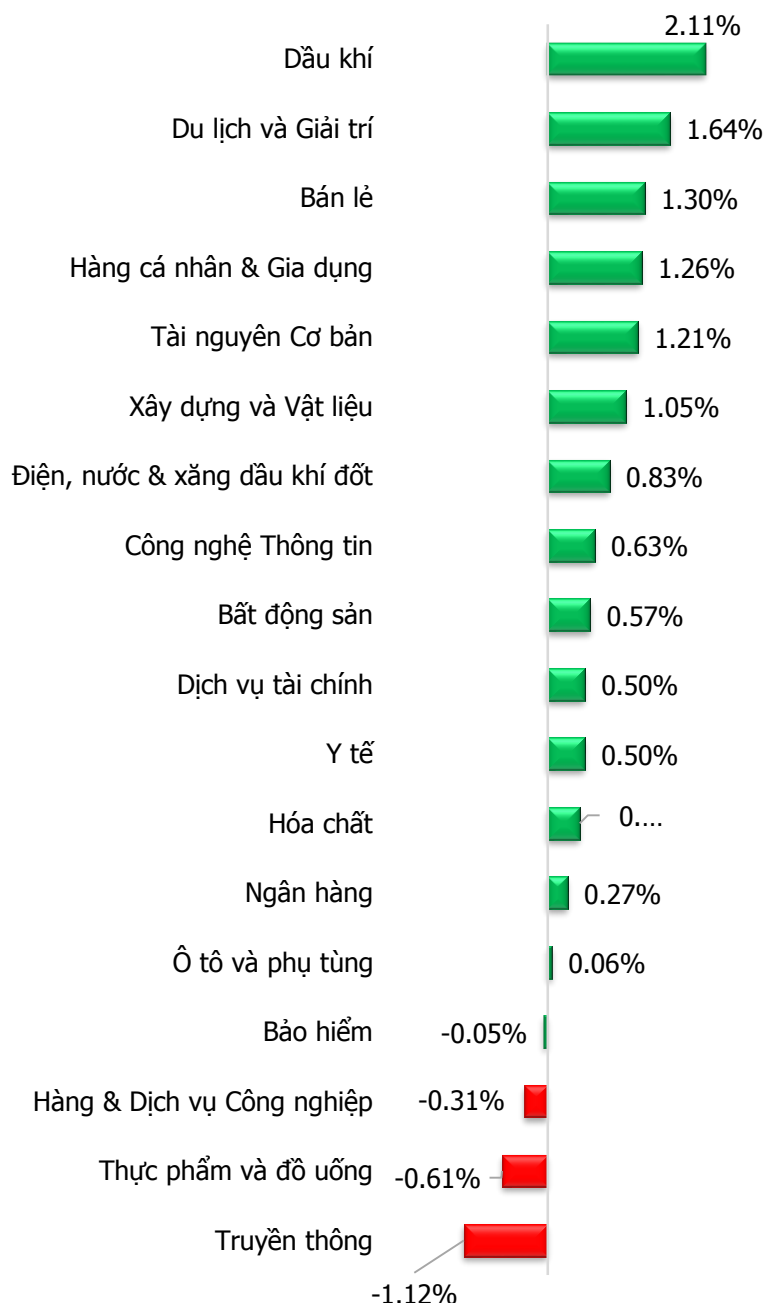
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VJC	38.13	VNM	233.27
VHM	31.07	PLX	47.27
GAS	25.79	KDH	36.19
VIC	15.28	SSI	30.62
HAH	10.95	DXG	29.56

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

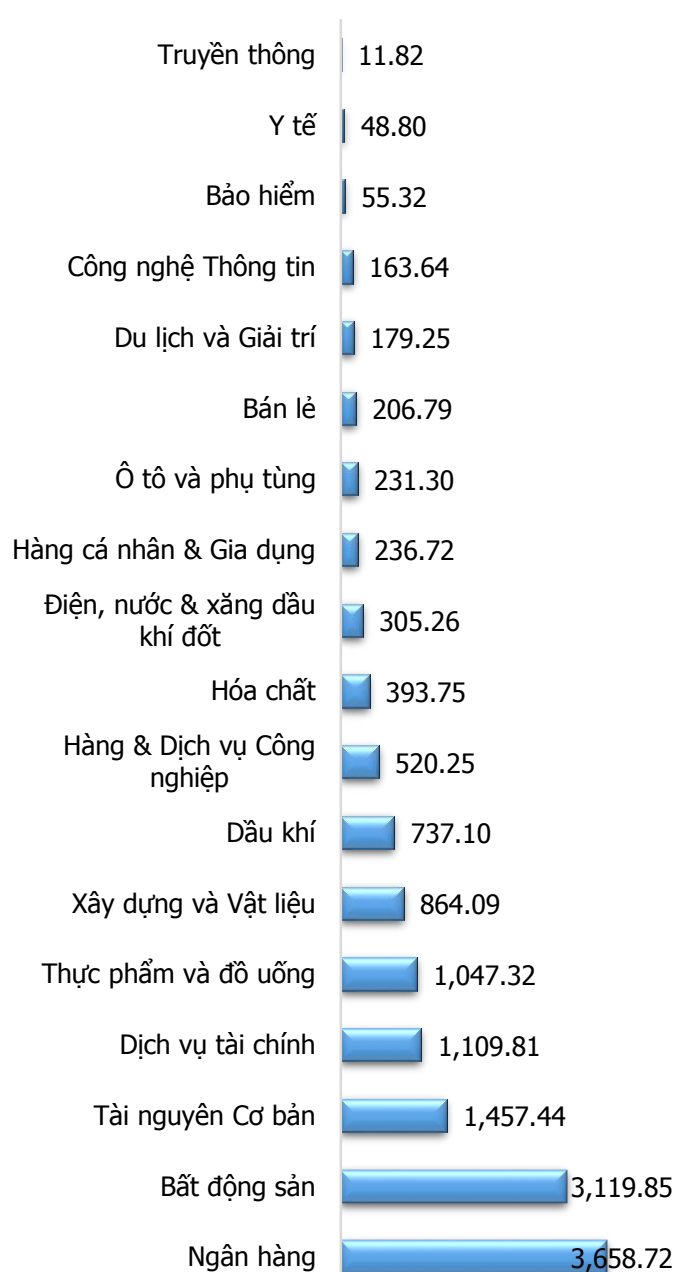
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
NVB	12.03	BVS	1.84
VCS	4.32	VNF	1.60
APS	0.74	CSC	1.60
PVS	0.56	INN	0.84
BCC	0.26	DNM	0.59

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiipro)

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TDC	19,900	1,300	6.99%	2,096,000
GIL	65,900	4,300	6.98%	944,700
RDP	9,200	600	6.98%	252,200
RAL	187,200	12,200	6.97%	61,000
RIC	33,000	2,150	6.97%	20,500

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
S99	29,700	2,700	10.00%	3,310,005
PTD	14,300	1,300	10.00%	100
THD	196,000	17,800	9.99%	109,362
CSC	32,200	2,900	9.90%	393,760
VGS	16,700	1,500	9.87%	1,264,787

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VSI	18,100	-1,350	-6.94%	13,400
LCM	1,390	-100	-6.71%	73,300
VFG	44,100	-2,900	-6.17%	6,300
QCG	8,310	-540	-6.10%	501,700
EMC	15,050	-950	-5.94%	200

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PRC	12,600	-1,400	-10.00%	1,400
VLA	13,500	-1,500	-10.00%	100
HLY	40,200	-4,400	-9.87%	400
UNI	17,600	-1,900	-9.74%	17,702
GMX	23,300	-2,500	-9.69%	100

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HPG	44,150	550	1.26%	21,931,700
DXG	23,000	-850	-3.56%	16,649,900
ACB	32,400	1,200	3.85%	15,014,200
IJC	29,350	-150	-0.51%	10,515,500
VPB	39,600	-100	-0.25%	7,600,300

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	15,900	-100	-0.63%	24,986,950
NVB	14,600	0	0.00%	7,379,083
ART	5,200	100	1.96%	4,288,975
S99	29,700	2,700	10.00%	3,310,005
VE1	4,200	300	7.69%	2,256,310

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HPG	44,150	550	1.26%	21,931,700
STB	18,500	150	0.82%	18,339,100
MBB	27,300	300	1.11%	17,887,600
DXG	23,000	-850	-3.56%	16,649,900
TCB	39,100	0	0.00%	16,440,500

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	15,900	-100	-0.63%	24,986,950
PVS	22,500	700	3.21%	13,606,954
NVB	14,600	0	0.00%	7,379,083
IDC	38,200	-800	-2.05%	6,020,202
HUT	5,000	100	2.04%	5,873,004

(Nguồn: Fiinpro, CSI tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	173,148	19,036	1,775	0.5%	9.4%	24.26	2.26	2,072,884	42,950	-5.45%
2	BVH	44,317	26,961	2,081	1.1%	7.6%	28.69	2.21	1,092,490	59,600	8.16%
3	CTG	139,628	22,774	3,674	1.1%	16.9%	10.21	1.65	9,248,525	37,300	55.89%
4	FPT	59,106	20,084	4,517	9.4%	20.0%	16.69	3.75	2,748,597	76,200	71.84%
5	GAS	168,619	25,270	4,081	12.5%	15.8%	21.59	3.49	1,039,515	89,200	10.15%
6	HDB	40,561	14,429	2,667	1.7%	20.6%	9.54	1.76	4,152,899	25,500	54.10%
7	HPG	144,459	17,826	4,056	11.5%	25.1%	10.75	2.45	20,538,700	44,150	134.78%
8	KDH	18,385	14,544	2,055	8.5%	14.6%	16.01	2.26	1,590,877	32,400	44.82%
9	MBB	75,566	17,117	2,987	1.9%	19.1%	9.04	1.58	13,256,675	27,300	54.47%
10	MSN	106,896	13,568	1,054	1.2%	3.2%	86.36	6.71	2,732,412	89,600	80.21%
11	MWG	62,367	33,471	8,620	8.9%	28.4%	15.52	4.00	1,307,074	135,700	27.75%
12	NVL	85,542	28,629	3,969	3.3%	13.8%	20.26	2.81	3,179,559	80,000	51.70%
13	PDR	24,998	12,877	3,078	8.3%	25.5%	20.50	4.90	2,916,892	62,200	196.27%
14	PLX	69,838	17,375	807	1.6%	3.9%	70.99	3.30	997,806	58,400	21.57%
15	PNJ	18,826	23,055	4,749	12.5%	21.8%	17.44	3.59	1,080,761	84,000	4.99%
16	POW	29,625	12,115	937	4.0%	7.2%	13.50	1.04	8,923,895	12,700	30.44%
17	REE	17,616	37,059	5,250	8.1%	14.0%	10.86	1.54	626,728	56,400	77.73%
18	SBT	14,277	12,333	892	3.1%	7.0%	25.07	1.81	4,356,717	21,950	5.60%
19	SSI	20,037	16,376	2,095	4.0%	13.1%	15.97	2.04	9,145,245	33,450	153.99%
20	STB	33,097	16,054	1,487	0.6%	9.6%	12.34	1.14	21,524,723	18,500	69.12%
21	TCB	137,042	21,151	3,521	3.1%	18.4%	11.10	1.85	17,891,217	39,100	81.86%
22	TCH	7,860	13,940	2,573	9.5%	14.2%	8.65	1.60	8,535,945	22,050	-43.61%
23	TPB	28,267	16,231	3,469	1.9%	23.5%	7.90	1.69	3,354,888	27,350	65.31%
24	VCB	363,841	26,632	4,974	1.5%	20.6%	19.72	3.68	1,226,356	98,200	13.42%
25	VHM	338,162	26,189	8,463	13.5%	36.1%	12.15	3.93	3,459,318	102,800	22.38%
26	VIC	365,979	23,352	1,488	1.2%	4.0%	72.70	4.63	1,162,760	108,900	0.84%
27	VJC	69,094	28,591	134	0.2%	0.5%	987.08	4.61	869,006	135,000	3.05%
28	VNM	221,117	14,975	5,311	23.8%	35.0%	19.92	7.07	2,432,072	104,600	23.93%
29	VPB	97,454	21,507	4,271	2.6%	21.9%	9.30	1.85	7,793,310	39,600	48.13%
30	VRE	76,577	12,895	1,048	6.3%	8.5%	32.15	2.61	5,945,096	33,750	14.82%

(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: <https://www.vncsi.com.vn>